

UBND TỈNH QUẢNG NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Số 709/QĐ-SGDĐT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Thời gian ký: 3.03.2025 16:43:28
+07:00
Quảng Nam, ngày 13 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 21/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 2952/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2839/QĐ-SGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Nam về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Công văn số 488/STC-HCSN ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Sở Tài chính về việc phân bổ và giao dự toán NSNN năm 2025 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 đã giao cho các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Quyết định số 2839/QĐ-SGDĐT ngày 27/12/2024. Chi tiết theo phụ lục số 01, 02, 03 đính kèm.

Điều 2. Căn cứ nội dung dự toán được điều chỉnh, các đơn vị có tên tại phụ lục chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích và thực hiện thanh toán, quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Giáo dục và Đào tạo, Chánh văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Trung tâm GDTX tỉnh, Hiệu trưởng các trường có tên tại phụ lục và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Kho bạc tỉnh;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC



Thái Viết Tường



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH QUẢNG NAM
Mã chương: 422

Phụ lục số 01

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
Đơn vị: Trường PTDTNT THPT tỉnh Quảng Nam
Mã số QHNS: 1060732
STT: 51

(Kèm theo Quyết định số 709/QĐ-SGDĐT ngày 13/3/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Nam)

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Dự toán đã giao tại Quyết định số 2839/QĐ-SGDĐT ngày 27/12/2024	Dự toán phân bổ sau điều chỉnh
A	Dự toán thu, chi từ nguồn học phí		
I	Dự toán thu	0	0
1	Thu học phí từ ngân sách cấp bù do miễn, giảm	0	0
2	Thu học phí từ ngân sách hỗ trợ theo NQ 26/2024/NQ-HĐND	0	0
II	Dự toán chi từ nguồn thu được để lại	0	0
	Chi từ nguồn thu học phí giáo dục phổ thông công lập	0	0
	Trong đó:		
	- Trích 40% số thu để bổ sung nguồn thực hiện CCTL (từ nguồn thu NSNN cấp bù do miễn, giảm HP theo ND số 81)	0	0
	- Chi trả phụ cấp thâm niên nhà giáo	0	0
	- Trích tối thiểu 5% chi hoạt động ngoại khóa	0	0
	- Trích tối thiểu 20% chi tăng cường cơ sở vật chất	0	0
	- Phần còn lại đơn vị dùng chi hoạt động	0	0
B	Dự toán chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo	23.975.241	22.279.730
I	Dự toán chi thường xuyên trong định mức	11.387.934	11.387.934
1	Dự toán chi thường xuyên trong định mức được giao tự chủ	11.387.934	11.387.934
1.1	Quỹ tiền lương (theo mức lương cơ sở 2.430.000 đồng)	9.833.751	9.833.751
	Chia ra:		
	- Quỹ tiền lương lao động thực tế có mặt	9.755.010	9.755.010
	- Tạm phân bổ tiền lương đối với giáo viên thiếu so với định mức để tuyển mới giáo viên hoặc tổ chức dạy tăng, dạy thay theo quy định	78.741	78.741
	Nguồn thực hiện chi quỹ tiền lương		
	Chia ra:		
	- Nguồn ngân sách nhà nước phân bổ	9.833.751	9.833.751
	- Sử dụng nguồn CCTL tại đơn vị để thực hiện tăng MLCS từ 1,49 triệu đồng lên 2,34 triệu đồng	0	0
1.2	Dự toán phân bổ chi hoạt động	1.554.183	1.554.183
	Trong đó đơn vị dành tối thiểu thực hiện các nhiệm vụ sau:		
	+ Dành tối thiểu 5% chi hoạt động ngoại khóa	77.710	77.710
	+ Dành tối thiểu 20% để chi tăng cường cơ sở vật chất: mua sắm bổ sung kịp thời bàn ghế hư hỏng; thiết bị, công cụ, dụng cụ dạy học; sửa chữa, bảo dưỡng tài sản tại đơn vị	295.290	295.290
2	Dự toán chi TX trong định mức không giao tự chủ:	0	0
2.1	Hỗ trợ vận chuyển gạo đến trường theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP	0	0

TT	Nội dung	Dự toán đã giao tại Quyết định số 2839/QĐ-SGDĐT ngày 27/12/2024	Dự toán phân bổ sau điều chỉnh
2.2	Hỗ trợ phục vụ nấu ăn tập trung cho học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP và Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND	0	0
2.3	Hỗ trợ hoạt động ký túc xá học sinh nội trú theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP	0	0
II	Dự toán chi TX ngoài định mức không giao tự chủ:	12.587.307	10.891.796
1	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	0	0
2	Cấp bù học phí do thực hiện chính sách miễn, giảm theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	0	0
3	Cấp bù học phí do thực hiện chính sách hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 26/2024/NQ-HĐND	0	0
4	Chế độ đối với học sinh các Trường PTDTNT theo Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT-BTC-BGDĐT	9.669.000	7.973.489
5	Chế độ đối với học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT/BGDĐT-BLĐTBXH-BTC	0	0
6	Chính sách đối với học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật theo Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND và 07/2024/NQ-HĐND	0	0
7	Chính sách hỗ trợ học sinh ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP	0	0
8	Phụ cấp ưu đãi giảng dạy người khuyết tật theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP	30.962	30.962
9	Chính sách đối với viên chức, người lao động công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP	0	0
10	Chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo theo Nghị định số 77/2021/NĐ-CP	1.034.063	1.034.063
11	Chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ làm việc tại các Trường (theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP)	0	0
12	Tiền lương lao động hợp đồng (<i>ký kết hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP</i>)	1.371.935	1.371.935
13	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	481.347	481.347